|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG****Năm học 2020-2021** | **MỤC TIÊU, MA TRẬN****ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9** |

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức:

- Kiểm tra các kiến thức của học sinh về địa lí dân cư, sự phát triển của nền kinh tế, đặc điểm phát triển và phân bố của các ngành kinh tế nước ta

2. Kĩ năng:

- Kiểm tra các kĩ năng tư duy, so sánh, phân tích, tổng hợp, đọc bản đồ

3. Thái độ

- Học sinh có thái độ nghiêm túc khi làm bài, yêu thích môn học.

4.Năng lực:

- Năng lực tự học, tính toán, năng lực giải quyết vấn đề, tư duy tổng hợp theo lãnh thổ.

**\* Hình thức kiểm tra:** 50% trắc nghiệm, 50% tự luận

**II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ****Tên chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tổng** |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| **Địa lí dân cư** |  | 1C2đ | 8C2đ |  |  |  |  |  | 9C4đ |
| **Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam** |  |  | 4C1đ |  |  |  |  |  | 4C1đ |
| **Các ngành kinh tế** | 8C2đ |  |  |  |  | 0.5C2đ |  | 0.5C1đ | 9C5đ |
| *Tổng số câu**Tổng số điểm**Tỉ lệ %* | *Số câu: 9C**Số điểm: 4**40%* | *Số câu: 12C**Số điểm: 3**30%* | *Số câu: 0.5C**Số điểm: 2**20%* | *Số câu: 0.5C**Số điểm:1**10%* | *Tổng số câu:22**Tổng số điểm:10**Tỉ lệ % điểm: 100%* |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG****Năm học : 2020-2021** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9****Thời gian: 45 phút** |

**ĐK 9 - 1**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Hãy chọn và tô vào chữ cái đứng trước đáp án đúng trong phiếu kiểm tra**

***Câu 1.* *Dân số đông và gia tăng vẫn còn nhanh không gây sức ép lên:***

A. Phát triển kinh tế xã hội B. Vấn đề môi trường

C. Chất lượng cuộc sống D. Mất cân bằng giới tính

***Câu 2. Nguyên nhân nào sau đây làm cho diện mạo làng quê nước ta đang có sự thay đổi?***

A. Do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

B. Tỉ lệ lao động trong ngành nông nghiệp giảm

C. Tác động của quá trình di dân từ nông thôn ra thành thị

D. Hoạt động kinh tế nông nghiệp không còn là thế mạnh

***Câu 3. Công cuộc đổi mới ở nước ta được triển khai từ năm:***

A. 1968 B. 1986 C. 1976 D. 1969

***Câu 4. Số lượng các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta hiện nay là:***

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

***Câu 5. Đất phù sa ở nước ta có diện tích khoảng:***

A. 3 triệu ha B. 9 triệu ha C. 16 triệu ha D. 33 triệu ha

***Câu 6. Cây lương thực chính ở nước ta là cây:***

A. Ngô B. Lúa C. Sắn D. Khoai

***Câu 7. Nguồn tài nguyên dầu khí, than có vai trò quan trọng đối với sự phát triển ngành công nghiệp:***

A. Năng lượng, hóa chất B. Luyện kim

C. Vật liệu xây dựng D. Cơ khí

***Câu 8. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta là:***

A. Trị An B. Hòa Bình C. Sơn La D. Y-a-ly

***Câu 9. Công nghiệp khai thác than phân bố chủ yếu ở tỉnh nào?***

A. Thái Nguyên B. Quảng Ninh C. Hà Nội D. Lạng Sơn

***Câu 10. Các trung tâm dệt may lớn nhất nước ta hiện nay là:***

A. Hà Nội, Nam Định, Cần Thơ B. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Nam Định

C. Vinh, Huế, Nha Trang D. Nam Định, Thanh Hóa, Hà Nội

***Câu 11. Dựa vào Atlat trang 22, Tây Nguyên có thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp nào?***

A. Nhiệt điện B. Phong điện C. Sản xuất hàng tiêu dùng D. Thủy điện

***Câu 12. Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm không có phân ngành chính nào?***

A. Chế biến các sản phẩm từ trồng trọt B. Chế biến các sản phẩm từ chăn nuôi

C. Chế biến các sản phẩm từ thủy sản D. Chế biến lâm sản

***Câu 13. Việt Nam có bao nhiêu dân tộc?***

 A. 52 dân tộc B.53 dân tộc C. 54 dân tộc D.55 dân tộc

***Câu 14. Dân tộc kinh chiếm khoảng bao nhiêu % dân số?***

 A.85% B.86% C.87% D.88%

***Câu 15. Hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta bắt đầu từ khi nào?***

 A. Cuối những năm 40 B.Cuối những năm 50 của thế kỉ XX

 C. Cuối những năm 60 D. Cuối những năm 70 của thế kỉ XX

***Câu 16. Các đô thị ở nước ta phần lớn có quy mô:***

 A. Vừa và nhỏ B. Vừa C. Lớn D. Rất Lớn

***Câu 17. Nguồn lao động nước ta còn có hạn chế về:***

A.Thể lực, trình độ chuyên môn và tác phong lao động

B. Nguồn lao động bổ sung hàng năm lớn.

C. Kinh nghiệm sản xuất

D. Khả năng tiếp thu khoa học – kỹ thuật

***Câu 18. Tỷ lệ dân số phụ thuộc là tỷ số giữa số người:***

A. Chưa đến tuổi lao động và những người trong độ tuổi lao động .

B. Chưa đến tuổi lao động và những người quá tuổi lao động .

C. Chưa đến tuổi lao động và số nguời quá tuổi lao động so với những người đang trong tuổi lao động .

D . Quá tuổi lao động và những người trong độ tuổi lao động .

***Câu 19. Tỉnh nào sau đây nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam?***

A. Đồng Nai B. Bình Định C. Hải Dương D. Bến Tre.

***Câu 20. Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?***

A. Giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

B. Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.

C. Kinh tế cá thể được thừa nhận và ngày càng phát triển.

D. Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất.

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1 (3 điểm):** Cho bảng số liệu sau:

 *Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta giai đoạn 2000-2010*

 *(Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  Năm  | 2000 | 2005 | 2008 | 2010 |
| Khai thác thủy sản | 1660,9 | 1987,9 | 2136,4 | 2414,4 |
| Nuôi trồng thủy sản | 590,0 | 1478,9 | 2465,6 | 2728,3 |

1. Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta *(lấy năm 2000=100%)*
2. Nhận xét và giải thích tình hình phát triển của ngành thủy sản.

**Câu 2 (2 điểm):** Dựa vào Atlat địa lí trang 15, trình bày đặc điểm phân bố dân cư của nước ta. Kể tên các đô thị trên 1000.000 người.

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG****Năm học : 2020-2021** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9****Thời gian: 45 phút** |

**ĐK 9 - 2**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Hãy chọn và tô vào chữ cái đứng trước đáp án đúng trong phiếu kiểm tra**

***Câu 1. Các đô thị ở nước ta phần lớn có quy mô:***

 A. Vừa và nhỏ B. Vừa C. Lớn D. Rất Lớn

***Câu 2. Nguồn lao động nước ta còn có hạn chế về:***

A.Thể lực, trình độ chuyên môn và tác phong lao động

B. Nguồn lao động bổ sung hàng năm lớn.

C. Kinh nghiệm sản xuất

D. Khả năng tiếp thu khoa học – kỹ thuật

***Câu 3. Tỷ lệ dân số phụ thuộc là tỷ số giữa số người:***

A. Chưa đến tuổi lao động và những người trong độ tuổi lao động .

B. Chưa đến tuổi lao động và những người quá tuổi lao động .

C. Chưa đến tuổi lao động và số nguời quá tuổi lao động so với những người đang trong tuổi lao động .

D . Quá tuổi lao động và những người trong độ tuổi lao động .

***Câu 4. Tỉnh nào sau đây nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam?***

A. Đồng Nai B. Bình Định C. Hải Dương D. Bến Tre.

***Câu 5. Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?***

A. Giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

B. Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.

C. Kinh tế cá thể được thừa nhận và ngày càng phát triển.

D. Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất.

***Câu 6.* *Dân số đông và gia tăng vẫn còn nhanh không gây sức ép lên:***

A. Phát triển kinh tế xã hội B. Vấn đề môi trường

C. Chất lượng cuộc sống D. Mất cân bằng giới tính

***Câu 7. Nguyên nhân nào sau đây làm cho diện mạo làng quê nước ta đang có sự thay đổi?***

A. Do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

B. Tỉ lệ lao động trong ngành nông nghiệp giảm

C. Tác động của quá trình di dân từ nông thôn ra thành thị

D. Hoạt động kinh tế nông nghiệp không còn là thế mạnh

***Câu 8. Công cuộc đổi mới ở nước ta được triển khai từ năm:***

A. 1968 B. 1986 C. 1976 D. 1969

***Câu 9. Số lượng các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta hiện nay là:***

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

***Câu 10. Đất phù sa ở nước ta có diện tích khoảng:***

A. 3 triệu ha B. 9 triệu ha C. 16 triệu ha D. 33 triệu ha

***Câu 11. Hai trung tâm dịch vụ lớn nhất nước ta là:***

A. Hà Nội, Hồ Chí Minh B. Hà Nội, Huế

C. Hồ Chí Minh, Huế D. Huế, Đà Nẵng

***Câu 12. Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm không có phân ngành chính nào?***

A. Chế biến các sản phẩm từ trồng trọt B. Chế biến các sản phẩm từ chăn nuôi

C. Chế biến các sản phẩm từ thủy sản D. Chế biến lâm sản

***Câu 13. Việt Nam có bao nhiêu dân tộc?***

 A. 52 dân tộc B.53 dân tộc C.54 dân tộc D.55 dân tộc

***Câu 14. Dân tộc kinh chiếm khoảng bao nhiêu % dân số?***

 A.85% B.86% C.87% D.88%

***Câu 15. Hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta bắt đầu từ khi nào?***

 A. Cuối những năm 40 B.Cuối những năm 50 của thế kỉ XX

 C. Cuối những năm 60 D. Cuối những năm 70 của thế kỉ XX

***Câu 16. Cây lương thực chính ở nước ta là cây:***

A. Ngô B. Lúa C. Sắn D. Khoai

***Câu 17. Nguồn tài nguyên dầu khí, than có vai trò quan trọng đối với sự phát triển ngành công nghiệp:***

A. Năng lượng, hóa chất B. Luyện kim

C. Vật liệu xây dựng D. Cơ khí

***Câu 18. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta là:***

A. Trị An B. Hòa Bình C. Sơn La D. Y-a-ly

***Câu 19. Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than ít được xây dựng ở miền Nam là do:***

A. Miền Nam không thiếu điện B. Thiếu nguồn nguyên liệu tại chỗ

C. Xây dựng đòi hỏi vốn đầu tư lớn D. Gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

***Câu 20. Dựa vào Atlat địa lí trang 25, trung tâm du lịch nào sau đây không phải trung tâm du lịch quốc gia?***

A. Hà Nội B. Hải Phòng C. Huế D. TP. Hồ Chí Minh

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1 (3 điểm):** Cho bảng số liệu sau:

 *Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta giai đoạn 2000-2010*

 *(Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  Năm  | 2000 | 2005 | 2008 | 2010 |
| Khai thác thủy sản | 1660,9 | 1987,9 | 2136,4 | 2414,4 |
| Nuôi trồng thủy sản | 590,0 | 1478,9 | 2465,6 | 2728,3 |

1. Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta *(lấy năm 2000=100%)*
2. So sánh sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng qua các năm và giải thích.

**Câu 2 (2 điểm):** Dựa vào Atlat địa lí trang 15, trình bày đặc điểm phân bố dân cư của nước ta. Kể tên các đô thị từ 500.000 đến 1000.000 người.

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG****Năm học : 2020-2021** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9****Thời gian: 45 phút** |

**ĐK 9 - 3**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Hãy chọn và tô vào chữ cái đứng trước đáp án đúng trong phiếu kiểm tra**

***Câu 1. Dựa vào Atlat trang 22, Tây Nguyên có thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp nào?***

A. Nhiệt điện B. Phong điện C. Sản xuất hàng tiêu dùng D. Thủy điện

***Câu 2. Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm không có phân ngành chính nào?***

A. Chế biến các sản phẩm từ trồng trọt B. Chế biến các sản phẩm từ chăn nuôi

C. Chế biến các sản phẩm từ thủy sản D. Chế biến lâm sản

***Câu 3. Việt Nam có bao nhiêu dân tộc?***

 A. 52 dân tộc B.53 dân tộc C**.** 54 dân tộc D.55 dân tộc

***Câu 4. Dân tộc kinh chiếm khoảng bao nhiêu % dân số?***

 A.85% B.86% C.87% D.88%

***Câu 5. Hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta bắt đầu từ khi nào?***

 A. Cuối những năm 40 B.Cuối những năm 50 của thế kỉ XX

 C. Cuối những năm 60 D. Cuối những năm 70 của thế kỉ XX

***Câu 6.* *Dân số đông và gia tăng vẫn còn nhanh không gây sức ép lên:***

A. Phát triển kinh tế xã hội B. Vấn đề môi trường

C. Chất lượng cuộc sống D. Mất cân bằng giới tính

***Câu 7. Nguyên nhân nào sau đây làm cho diện mạo làng quê nước ta đang có sự thay đổi?***

A. Do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

B. Tỉ lệ lao động trong ngành nông nghiệp giảm

C. Tác động của quá trình di dân từ nông thôn ra thành thị

D. Hoạt động kinh tế nông nghiệp không còn là thế mạnh

***Câu 8. Công cuộc đổi mới ở nước ta được triển khai từ năm:***

A. 1968 B. 1986 C. 1976 D. 1969

***Câu 9. Số lượng các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta hiện nay là:***

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

***Câu 10. Đất phù sa ở nước ta có diện tích khoảng:***

A. 3 triệu ha B. 9 triệu ha C. 16 triệu ha D. 33 triệu ha

***Câu 11. Các đô thị ở nước ta phần lớn có quy mô:***

 A. Vừa và nhỏ B. Vừa C. Lớn D. Rất Lớn

***Câu 12. Nguồn lao động nước ta còn có hạn chế về:***

A.Thể lực, trình độ chuyên môn và tác phong lao động

B. Nguồn lao động bổ sung hàng năm lớn.

C. Kinh nghiệm sản xuất

D. Khả năng tiếp thu khoa học – kỹ thuật

***Câu 13. Tỷ lệ dân số phụ thuộc là tỷ số giữa số người:***

A. Chưa đến tuổi lao động và những người trong độ tuổi lao động .

B. Chưa đến tuổi lao động và những người quá tuổi lao động .

C. Chưa đến tuổi lao động và số nguời quá tuổi lao động so với những người đang trong tuổi lao động .

D . Quá tuổi lao động và những người trong độ tuổi lao động .

***Câu 14. Tỉnh nào sau đây nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam?***

A. Đồng Nai B. Bình Định C. Hải Dương D. Bến Tre.

***Câu 15. Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?***

A. Giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

B. Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.

C. Kinh tế cá thể được thừa nhận và ngày càng phát triển.

D. Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất.

***Câu 16. Cây lương thực chính ở nước ta là cây:***

A. Ngô B. Lúa C. Sắn D. Khoai

***Câu 17. Nguồn tài nguyên dầu khí, than có vai trò quan trọng đối với sự phát triển ngành công nghiệp:***

A. Năng lượng, hóa chất B. Luyện kim

C. Vật liệu xây dựng D. Cơ khí

***Câu 18. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta là:***

A. Trị An B. Hòa Bình C. Sơn La D. Y-a-ly

***Câu 19. Công nghiệp khai thác than phân bố chủ yếu ở tỉnh nào?***

A. Thái Nguyên B. Quảng Ninh C. Hà Nội D. Lạng Sơn

***Câu 20. Các trung tâm dệt may lớn nhất nước ta hiện nay là:***

A. Hà Nội, Nam Định, Cần Thơ B. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Nam Định

C. Vinh, Huế, Nha Trang D. Nam Định, Thanh Hóa, Hà Nội

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1 (3 điểm):** Cho bảng số liệu sau:

 *Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta giai đoạn 2000-2010*

 *(Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  Năm  | 2000 | 2005 | 2008 | 2010 |
| Khai thác thủy sản | 1660,9 | 1987,9 | 2136,4 | 2414,4 |
| Nuôi trồng thủy sản | 590,0 | 1478,9 | 2465,6 | 2728,3 |

1. Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta *(lấy năm 2000=100%)*
2. Nhận xét và giải thích tình hình phát triển của ngành thủy sản.

**Câu 2 (2 điểm):** Dựa vào Atlat địa lí trang 15, trình bày đặc điểm phân bố dân cư của nước ta. Kể tên các đô thị trên 1000.000 người.

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG****Năm học : 2020-2021** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9****Thời gian: 45 phút** |

**ĐK 9 - 4**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Hãy chọn và tô vào chữ cái đứng trước đáp án đúng trong phiếu kiểm tra**

***Câu 1. Cây lương thực chính ở nước ta là cây:***

A. Ngô B. Lúa C. Sắn D. Khoai

***Câu 2. Nguồn tài nguyên dầu khí, than có vai trò quan trọng đối với sự phát triển ngành công nghiệp:***

A. Năng lượng, hóa chất B. Luyện kim

C. Vật liệu xây dựng D. Cơ khí

***Câu 3. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta là:***

A. Trị An B. Hòa Bình C. Sơn La D. Y-a-ly

***Câu 4. Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than ít được xây dựng ở miền Nam là do:***

A. Miền Nam không thiếu điện B. Thiếu nguồn nguyên liệu tại chỗ

C. Xây dựng đòi hỏi vốn đầu tư lớn D. Gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

***Câu 5. Dựa vào Atlat địa lí trang 25, trung tâm du lịch nào sau đây không phải trung tâm du lịch quốc gia?***

A. Hà Nội B. Hải Phòng C. Huế D. TP. Hồ Chí Minh

***Câu 6.* *Dân số đông và gia tăng vẫn còn nhanh không gây sức ép lên:***

A. Phát triển kinh tế xã hội B. Vấn đề môi trường

C. Chất lượng cuộc sống D. Mất cân bằng giới tính

***Câu 7. Nguyên nhân nào sau đây làm cho diện mạo làng quê nước ta đang có sự thay đổi?***

A. Do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

B. Tỉ lệ lao động trong ngành nông nghiệp giảm

C. Tác động của quá trình di dân từ nông thôn ra thành thị

D. Hoạt động kinh tế nông nghiệp không còn là thế mạnh

***Câu 8. Công cuộc đổi mới ở nước ta được triển khai từ năm:***

A. 1968 B. 1986 C. 1976 D. 1969

***Câu 9. Số lượng các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta hiện nay là:***

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

***Câu 10. Đất phù sa ở nước ta có diện tích khoảng:***

A. 3 triệu ha B. 9 triệu ha C. 16 triệu ha D. 33 triệu ha

***Câu 11. Các đô thị ở nước ta phần lớn có quy mô:***

 A. Vừa và nhỏ B. Vừa C. Lớn D. Rất Lớn

***Câu 12. Nguồn lao động nước ta còn có hạn chế về:***

A.Thể lực, trình độ chuyên môn và tác phong lao động

B. Nguồn lao động bổ sung hàng năm lớn.

C. Kinh nghiệm sản xuất

D. Khả năng tiếp thu khoa học – kỹ thuật

***Câu 13. Tỷ lệ dân số phụ thuộc là tỷ số giữa số người:***

A. Chưa đến tuổi lao động và những người trong độ tuổi lao động .

B. Chưa đến tuổi lao động và những người quá tuổi lao động .

C. Chưa đến tuổi lao động và số nguời quá tuổi lao động so với những người đang trong tuổi lao động .

D . Quá tuổi lao động và những người trong độ tuổi lao động .

***Câu 14. Tỉnh nào sau đây nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam?***

A. Đồng Nai B. Bình Định C. Hải Dương D. Bến Tre.

***Câu 15. Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?***

A. Giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

B. Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.

C. Kinh tế cá thể được thừa nhận và ngày càng phát triển.

D. Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất.

***Câu 16. Hai trung tâm dịch vụ lớn nhất nước ta là:***

A. Hà Nội, Hồ Chí Minh B. Hà Nội, Huế

C. Hồ Chí Minh, Huế D. Huế, Đà Nẵng

***Câu 17. Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm không có phân ngành chính nào?***

A. Chế biến các sản phẩm từ trồng trọt B. Chế biến các sản phẩm từ chăn nuôi

C. Chế biến các sản phẩm từ thủy sản D. Chế biến lâm sản

***Câu 18. Việt Nam có bao nhiêu dân tộc?***

 A. 52 dân tộc B.53 dân tộc C**.** 54 dân tộc D.55 dân tộc

***Câu 19. Dân tộc kinh chiếm khoảng bao nhiêu % dân số?***

 A.85% B.86% C.87% D.88%

***Câu 20. Hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta bắt đầu từ khi nào?***

 A. Cuối những năm 40 B.Cuối những năm 50 của thế kỉ XX

 C. Cuối những năm 60 D. Cuối những năm 70 của thế kỉ XX

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1 (3 điểm):** Cho bảng số liệu sau:

 *Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta giai đoạn 2000-2010*

 *(Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  Năm  | 2000 | 2005 | 2008 | 2010 |
| Khai thác thủy sản | 1660,9 | 1987,9 | 2136,4 | 2414,4 |
| Nuôi trồng thủy sản | 590,0 | 1478,9 | 2465,6 | 2728,3 |

1. Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta *(lấy năm 2000=100%)*
2. So sánh sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng qua các năm và giải thích.

**Câu 2 (2 điểm):** Dựa vào Atlat địa lí trang 15, trình bày đặc điểm phân bố dân cư của nước ta. Kể tên các đô thị từ 500.000 đến 1000.000 người.

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG****Năm học : 2020-2021** | **HƯỚNG DẪN CHẤM****ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9** |

**ĐK 9 - 1**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5điểm)**

**Mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 | Câu 9 | Câu 10 |
| D | A | B | A | A | B | A | C | B | B |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 11 | Câu 12 | Câu 13 | Câu 14 | Câu 15 | Câu 16 | Câu 17 | Câu 18 | Câu 19 | Câu 20 |
| D | D | C | B | B | A | A | C | C | B |

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1****(3 điểm)** | * Tính tốc độ tăng trưởng
* Vẽ biểu đồ đường đúng đẹp, đầy đủ tên bản đồ, bảng chú giải
* Nhận xét: + Thủy sản khai thác và nuôi trồng tăng qua các năm

 +Thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác* Giải thích:+ Do nền kinh tế ngày càng phát triển có nhiều phương tiện đánh bắt cũng như nhiều cơ sở nuôi trồng thủy sản hơn dẫn đến thủy sản khai thác và nuôi trồng tăng qua các năm

 + Thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn vì: người dân nuôi hải sản nhiều hơn để chủ động nguồn cung thủy sản. | 0.5 điểm1.5 điểm0.25 điểm0.25 điểm0.25 điểm0.25 điểm |
| **Câu 2****( 2 điểm)** | * Dân cư nước ta phân bố không đồng đều:

+ Đông : Đồng bằng, ven biển như vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, các đồng bằng duyên hải miền Trung+ Thưa: Miền núi như vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên…Kể tên các đô thị trên 1000.000 người: Hà Nội, Hải Phòng, TP.Hồ Chí Minh | 0.5 điểm0.5 điểm0.5 điểm0.5 điểm |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG****Năm học : 2020-2021** | **HƯỚNG DẪN CHẤM****ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9** |

**ĐK 9 - 2**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5điểm)**

**Mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 | Câu 9 | Câu 10 |
| A | A | C | C | B | D | A | B | A | A |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 11 | Câu 12 | Câu 13 | Câu 14 | Câu 15 | Câu 16 | Câu 17 | Câu 18 | Câu 19 | Câu 20 |
| A | A | C | B | B | B | A | C | B | B |

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1****(3 điểm)** | * Tính tốc độ tăng trưởng
* Vẽ biểu đồ đường đúng đẹp, đầy đủ tên bản đồ, bảng chú giải
* So sánh: + Từ năm 2000 – 2005 thủy sản khai thác lớn hơn nuôi trồng.

 +Từ năm 2008 – 2010 thủy sản nuôi trồng lớn hơn khai thác.* Giải thích:+ Từ năm 2000 – 2005 thủy sản khai thác lớn hơn nuôi trồng vì thời gian này các cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được xây dựng nhiều, người dân chủ yếu khai thác ngoài biển.

 +Từ năm 2008 – 2010 thủy sản nuôi trồng lớn hơn khai thác do chính sách phát triển ngành thủy sản khuyến khích người dân nuôi trồng thủy sản để chủ động nguồn cung thủy sản | 0.5 điểm1.5 điểm0.25 điểm0.25 điểm0.25 điểm0.25 điểm |
| **Câu 2****( 2 điểm)** | * Dân cư nước ta phân bố không đồng đều:

+ Đông : Đồng bằng, ven biển như vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, các đồng bằng duyên hải miền Trung+ Thưa: Miền núi như vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên…Kể tên các đô thị 500.000 đến 1000.000 người: Đà Nẵng, Biên Hòa, Cần Thơ | 0.5 điểm0.5 điểm0.5 điểm0.5 điểm |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG****Năm học : 2020-2021** | **HƯỚNG DẪN CHẤM****ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9** |

**ĐK 9 - 3**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5điểm)**

**Mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 | Câu 9 | Câu 10 |
| D | D | C | B | B | D | A | B | A | A |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 11 | Câu 12 | Câu 13 | Câu 14 | Câu 15 | Câu 16 | Câu 17 | Câu 18 | Câu 19 | Câu 20 |
| A | A | C | C | B | B | A | C | B | B |

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1****(3 điểm)** | * Tính tốc độ tăng trưởng
* Vẽ biểu đồ đường đúng đẹp, đầy đủ tên bản đồ, bảng chú giải
* Nhận xét: + Thủy sản khai thác và nuôi trồng tăng qua các năm

 +Thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác* Giải thích:+ Do nền kinh tế ngày càng phát triển có nhiều phương tiện đánh bắt cũng như nhiều cơ sở nuôi trồng thủy sản hơn dẫn đến thủy sản khai thác và nuôi trồng tăng qua các năm

 + Thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn vì: người dân nuôi hải sản nhiều hơn để chủ động nguồn cung thủy sản. | 0.5 điểm1.5 điểm0.25 điểm0.25 điểm0.25 điểm0.25 điểm |
| **Câu 2****( 2 điểm)** | * Dân cư nước ta phân bố không đồng đều:

+ Đông : Đồng bằng, ven biển như vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, các đồng bằng duyên hải miền Trung+ Thưa: Miền núi như vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên…Kể tên các đô thị trên 1000.000 người: Hà Nội, Hải Phòng, TP.Hồ Chí Minh | 0.5 điểm0.5 điểm0.5 điểm0.5 điểm |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG****Năm học : 2020-2021** | **HƯỚNG DẪN CHẤM****ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9** |

**ĐK 9 - 4**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5điểm)**

**Mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 | Câu 9 | Câu 10 |
| B | A | C | B | B | D | A | B | A | A |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 11 | Câu 12 | Câu 13 | Câu 14 | Câu 15 | Câu 16 | Câu 17 | Câu 18 | Câu 19 | Câu 20 |
| A | A | C | C | B | A | D | C | B | B |

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1****(3 điểm)** | * Tính tốc độ tăng trưởng
* Vẽ biểu đồ đường đúng đẹp, đầy đủ tên bản đồ, bảng chú giải
* So sánh: + Từ năm 2000 – 2005 thủy sản khai thác lớn hơn nuôi trồng.

 +Từ năm 2008 – 2010 thủy sản nuôi trồng lớn hơn khai thác.* Giải thích:+ Từ năm 2000 – 2005 thủy sản khai thác lớn hơn nuôi trồng vì thời gian này các cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được xây dựng nhiều, người dân chủ yếu khai thác ngoài biển.

 +Từ năm 2008 – 2010 thủy sản nuôi trồng lớn hơn khai thác do chính sách phát triển ngành thủy sản khuyến khích người dân nuôi trồng thủy sản để chủ động nguồn cung thủy sản | 0.5 điểm1.5 điểm0.25 điểm0.25 điểm0.25 điểm0.25 điểm |
| **Câu 2****( 2 điểm)** | * Dân cư nước ta phân bố không đồng đều:

+ Đông : Đồng bằng, ven biển như vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, các đồng bằng duyên hải miền Trung+ Thưa: Miền núi như vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên…Kể tên các đô thị 500.000 đến 1000.000 người: Đà Nẵng, Biên Hòa, Cần Thơ | 0.5 điểm0.5 điểm0.5 điểm0.5 điểm |
| **BGH duyệt** | **TPCM****Nguyễn T.Hồng Khanh** | **NTCM****Nguyễn Thị Thu Hằng** | **Người ra đề****Nguyễn Thị Thu Hằng** |